Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4707.90.00

Mã HS	4707.90.00
Mô tả hàng hóa	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa) / - Loại khác, kể cả phế liệu và vụn thừa chưa phân loại
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 22:41:16
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/47079000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7272
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7272
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7272
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7045
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7000
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7000
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7000
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7000
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7000
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7000
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7050
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7050
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7050

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7050
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7050
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7050
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7052
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7052
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7052
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7052
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7052
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7052
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7052
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7006
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7008
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7008
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7008
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7008
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7008
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7008
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7028
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7028
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7028
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7028
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7028
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7028
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7083
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7083
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7083

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7083
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7083
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7083
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7063
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7063
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7063
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7063
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7063
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7063
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D7071
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E7071
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F7071
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G7071
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H7071
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I7071
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7064
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7064
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7064
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7064
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7064
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7064
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7065
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7065
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7065
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7065
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7065

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7065
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7031
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7031
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7031
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7031
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7031
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7031
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7031
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7065
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7065
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7065
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7065
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7065
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7065
RCEP B	2022	2022	0	B!D7065
RCEP B	2023	2023	0	B!E7065
RCEP B	2024	2024	0	B!F7065
RCEP B	2025	2025	0	B!G7065
RCEP B	2026	2026	0	B!H7065
RCEP B	2027	2027	0	B!I7065
RCEP C	2022	2022	0	C!D7065
RCEP C	2023	2023	0	C!E7065
RCEP C	2024	2024	0	C!F7065
RCEP C	2025	2025	0	C!G7065
RCEP C	2026	2026	0	C!H7065
RCEP C	2027	2027	0	C!I7065

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D7065
RCEP D	2023	2023	0	D!E7065
RCEP D	2024	2024	0	D!F7065
RCEP D	2025	2025	0	D!G7065
RCEP D	2026	2026	0	D!H7065
RCEP D	2027	2027	0	D!I7065
RCEP E	2022	2022	0	E!D7068
RCEP E	2023	2023	0	E!E7068
RCEP E	2024	2024	0	E!F7068
RCEP E	2025	2025	0	E!G7068
RCEP E	2026	2026	0	E!H7068
RCEP E	2027	2027	0	E!I7068
RCEP F	2022	2022	0	F!D7065
RCEP F	2023	2023	0	F!E7065
RCEP F	2024	2024	0	F!F7065
RCEP F	2025	2025	0	F!G7065
RCEP F	2026	2026	0	F!H7065
RCEP F	2027	2027	0	F!I7065
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6529
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6529
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6529
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6529

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4707.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4707.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7272), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.